

Số: 25 /2018/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 20 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất, trưng dụng đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất ban hành kèm theo Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất, trưng dụng đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất ban hành kèm theo Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng:**

1. Sửa đổi điểm a, b Khoản 1 Điều 7 như sau:

“a) Chủ đầu tư nộp (01) bộ hồ sơ tại cơ quan Tài nguyên và Môi trường, thành phần hồ sơ gồm:

- Tờ trình xin ra thông báo thu hồi đất;
- Tiến độ sử dụng đất thực hiện dự án;

- Các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2, 3 Điều 9 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất (sau đây gọi tắt là Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT).

b) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan Tài nguyên và Môi trường lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành thông báo thu hồi đất”.

2. Bổ sung Điều 9a như sau:

**"Điều 9a. Thu hồi đất đối với trường hợp bên thuê đất, thuê lại đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng**

1. Thu hồi đất đối với trường hợp bên thuê đất, thuê lại đất của doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai (sau đây gọi tắt là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP), cụ thể như sau:

a) Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề rà soát các trường hợp thuê, thuê lại đất nhưng không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất.

- Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày chậm tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất thì doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề yêu cầu bên thuê đất đưa đất vào sử dụng, đồng thời lập danh sách các trường hợp không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất báo cáo Ban Quản lý khu kinh tế, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Các cơ quan nhận được báo cáo và doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề có trách nhiệm công bố công khai danh sách các trường hợp không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị mình;

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo danh sách các trường hợp không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất, bên thuê đất, bên thuê lại đất có đơn xin gia hạn tiến độ sử dụng đất thì Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề xem xét gia

hạn tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất. Thời gian gia hạn sử dụng đất không quá thời gian theo tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất.

b) Trường hợp doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề đã thực hiện các quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này mà bên thuê đất, thuê lại đất vẫn không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất, thì trong thời gian 03 ngày làm việc doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề phối hợp với cơ quan quản lý khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề và Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra và có kết luận kiểm tra, kết luận thanh tra thực hiện việc thu hồi đối với diện tích đất vi phạm của bên thuê đất, thuê lại, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đối với diện tích đất vi phạm của bên thuê đất, thuê lại đất và giao cho chủ đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề. Trường hợp có nhà đầu tư có nhu cầu sử dụng đất thì doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề cho nhà đầu tư thuê đất, thuê lại đất đối với diện tích đất mà Nhà nước đã thu hồi.

Việc xử lý quyền và nghĩa vụ có liên quan giữa chủ đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề và bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Thu hồi đất đối với trường hợp thuê đất, thuê lại đất của chủ đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trước ngày Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi đất đối với các trường hợp sau:

a) Không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng 36 tháng so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất;

b) Quá thời hạn 36 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp các bên không có giao kết về tiến độ đưa đất vào sử dụng trong hợp đồng mà không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng;

c) Việc phối hợp để xác định bên thuê đất, thuê lại đất không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng và xử lý quyền và nghĩa vụ có liên quan thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này".

3. Sửa đổi Điều 10 như sau:

**"Điều 10. Trình tự, thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất**

1. Hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất đồng thời với thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư:

a) Đối với các trường hợp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất:

- Tổ chức (người sử dụng đất) nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ban quản lý Khu kinh tế (đối với tổ chức thuê đất trong Khu kinh tế);

- Thành phần hồ sơ được lập theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.

b) Đối với các trường hợp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất:

- Hộ gia đình, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện;

- Thành phần hồ sơ được lập theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.

c) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức cuộc họp thẩm định hoặc gửi xin ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc tổ chức kiểm tra thực địa;

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản thẩm định gửi đến người xin giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất đối với trường hợp xin giao đất, thuê đất mà không phải thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư:

a) Đối với các trường hợp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất:

- Tổ chức (người sử dụng đất) nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ban quản lý Khu kinh tế (đối với tổ chức thuê đất trong Khu kinh tế);

- Thành phần hồ sơ được lập theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.

b) Đối với các trường hợp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất:

- Hộ gia đình, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện;

- Thành phần hồ sơ được lập theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.

c) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức cuộc họp thẩm định hoặc gửi xin ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc tổ chức kiểm tra thực địa;

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản thẩm định gửi đến người xin giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất đối với trường hợp xin chuyển mục đích sử dụng đất mà không phải thẩm định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư:

a) Đối với các trường hợp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất:

- Tổ chức (người sử dụng đất) nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ban quản lý Khu kinh tế (đối với tổ chức thuê đất trong Khu kinh tế);

- Thành phần hồ sơ được lập theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.

b) Đối với các trường hợp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất:

- Hộ gia đình, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện;

- Thành phần hồ sơ được lập theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.

c) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức cuộc họp thẩm định hoặc gửi xin ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc tổ chức kiểm tra thực địa;

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản thẩm định gửi đến người xin giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất đối với trường hợp xin chuyển mục đích sử dụng đất mà không lập dự án đầu tư:

a) Đối với các trường hợp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng đất:

- Tổ chức (người sử dụng đất) nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ban quản lý Khu kinh tế (đối với tổ chức thuê đất trong Khu kinh tế);

- Thành phần hồ sơ được lập theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.

b) Đối với các trường hợp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chuyển mục đích sử dụng đất:

- Hộ gia đình, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện;

- Thành phần hồ sơ được lập theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.

c) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức cuộc họp thẩm định hoặc gửi xin ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc tổ chức kiểm tra thực địa;

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản thẩm định gửi đến người xin giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ".

4. Sửa đổi Khoản 1, 2, 3 Điều 11 như sau:

"1. Đối với các dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư:

- Tổ chức (người sử dụng đất) nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ban quản lý Khu kinh tế (đối với tổ chức thuê đất trong Khu kinh tế);

- Thành phần hồ sơ được lập theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.

2. Đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình:

- Tổ chức (người sử dụng đất) nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ban quản lý Khu kinh tế (đối với tổ chức thuê đất trong Khu kinh tế);

- Thành phần hồ sơ được lập theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.

3. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất do Sở Tài nguyên và Môi trường lập.

Thành phần hồ sơ được lập theo quy định tại Khoản 3, Điều 3 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT".

5. Sửa đổi Khoản 1, 2 Điều 12 như sau:

"1. Hộ gia đình, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

Thành phần hồ sơ được lập theo quy định tại Khoản 1, Điều 4 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT

2. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao đất, cho thuê đất do phòng Tài nguyên và Môi trường lập.

Thành phần hồ sơ được lập theo quy định tại Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT".

6. Sửa đổi Điểm b, Khoản 3 Điều 12 như sau:

"b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, từ ngày có quyết định giao đất, cho thuê đất, Văn phòng Đăng ký đất đai (hoặc phòng Tài nguyên và Môi trường) cung cấp thông tin địa chính cho cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định".

7. Sửa đổi Điều 14 như sau:

**"Điều 14. Hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất**

1. Đối với các trường hợp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất:

- Tổ chức (người sử dụng đất) nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Thành phần hồ sơ được lập theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT".

2. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường lập:

Thành phần hồ sơ được lập theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT".

3. Đối với các trường hợp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất:

- Hộ gia đình, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện;

- Thành phần hồ sơ được lập theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT".

4. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do phòng Tài nguyên và Môi trường lập:

Thành phần hồ sơ được lập theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT".

5. Trình tự và thời gian giải quyết:

a) Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ cơ quan Tài nguyên và Môi trường chủ trì thẩm định tại thực địa, lập biên bản

thẩm định, lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cùng cấp. Trong thời hạn 05 ngày làm việc Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, sau khi có quyết định chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân cùng cấp, cơ quan Tài nguyên và Môi trường cung cấp thông tin địa chính cho cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định;

c) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan thuế về nghĩa vụ tài chính, người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định có trách nhiệm thực hiện xong nghĩa vụ tài chính;

d) Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện xong nghĩa vụ tài chính, cơ quan Tài nguyên và Môi trường (hoặc ủy quyền cho UBND cấp huyện đối với trường hợp người sử dụng đất là Tổ chức) chủ trì tổ chức bàn giao đất tại thực địa".

8. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3, 4 Điều 16 như sau:

"3. Chủ trì tổ chức thẩm định kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện quy định tại Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

4. Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện tổng hợp các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua".

## **Điều 2.**

1. Bãi bỏ Điều 13.

2. Thay cụm từ "Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất" bằng cụm từ "Văn phòng Đăng ký đất đai".

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2018.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Trung tâm thông tin-VPUBND tỉnh;
- Các PCVP, PKSTTHC, các CV;
- Lưu: VT, NĐ.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Hoàng Xuân Ánh*  
\_\_\_\_\_  
**Hoàng Xuân Ánh**